TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 77/2020/DS-PT
Ngày: 26-5-2020
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY N

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng V.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Son;

Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây N.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây N xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 372/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2019/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Trảng B, tỉnh Tây N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2020/QĐXXPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Ấp Trảng C, xã Đôn T, huyện Trảng B (nay thị xã Trảng B), tỉnh Tây N; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T: Luật sư Nguyễn Văn Chất - Văn phòng luật sư Nguyễn Văn Chất thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây N; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1937; nơi cư trú: Số 73, đường Lương Hữu Khánh, Phường Phạm Ngũ L, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Ấp Trảng C, xã Đôn T, huyện Trảng B (nay thị xã Trảng B), tỉnh Tây N.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Anh Lê Tấn H, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số 468E Hàm Tử, Phường 6, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản uỷ quyền ngày 13/7/2020); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị Phạm Thị X, sinh năm 1985; (Bệnh chậm phát triển tâm thần)

Người đại diện hợp pháp cho chị X: Bà Võ Thị T, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Ấp Trảng C, xã Đôn T, huyện Trảng B (nay thị xã Trảng B), tỉnh Tây N; có mặt.

3.2 Chị Phạm Thị S, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Ấp Trảng C, xã Đôn T, huyện Trảng B (nay thị xã Trảng B), tỉnh Tây N; có mặt.

3.3 Anh Phạm Văn Trọng, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Ấp Trảng C, xã Đôn T, huyện Trảng B (nay thị xã Trảng B), tỉnh Tây N; có mặt.

3.4 Chị Lê Thị Thuỳ M, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Nhà số 37, Nguyễn Hữu Khánh, phường Phạm Ngũ L, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Nhà số 37, Nguyễn Hữu Khánh, phường Phạm Ngũ L, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.5 Chị Lê Thị Bích V, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: Nhà số 37, Nguyễn Hữu Khánh, phường Phạm Ngũ L, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

3.6 Anh Lê Phương N, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Nhà số 37, Nguyễn Hữu Khánh, phường Phạm Ngũ L, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Võ Thị T; bị đơn ông Lê Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01-3-2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 19-8-2019 các lời khai tại Tòa án và tại phiên toà (nguyên đơn) bà T trình bày:

Ngày 10-9-2004 (âm lịch), vợ chồng bà có chuyển nhượng cho ông Lê Văn C diện tích đất 1.000 m^2 trong thửa 3701 và một phần thửa 3702 tờ bản đồ số K12 toạ lạc tại ấp Trảng C, xã Đôn T, huyện Trảng B. Tứ cận: Đông giáp kênh 20; Tây giáp đất ông C; Bắc giáp đất của bà; N giáp đất ông Dũng (trong phạm vi hàng rào của ông C hiện giờ), giá tiền chuyển nhượng là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng), có làm giấy tay do chồng bà là ông Phạm Văn Ngụ viết, bản chính giấy chuyển nhượng ông C giữ, ông C mới trả cho bà được số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) còn nợ lại 3.000.000 đồng từ năm 2004 đến nay, đất bà đã giao cho ông C sử dụng xây nhà ở, xây nhà mồ cho vợ ông C ở phía sau đất và rào lưới B40 quanh đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà còn giữ (không có cầm cố, thế chấp cho tổ chức, cá nhân nào), bà yêu cầu ông C S tên và trả tiền cho bà nhưng ông C không thực hiện. Khi chuyển nhượng đất, các bên không có nhờ cán bộ địa chính đo đạc đất mà do chồng bà trực tiếp đo đất bằng dây thước giao đất cho ông C nên số liệu không chính xác, hiện tại phần đất bà chuyển nhượng cho ông C diện tích 1.323 m^2 thừa lại 323 m^2. Nay bà đồng ý lưu thông hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 1.000 m^2 như trong giấy tay mà vợ chồng bà đã chuyển nhượng cho ông C; diện tích đất còn lại 323 m^2 ông C phải trả lại cho bà và ông C phải trả cho bà số tiền còn nợ mua đất 3.000.000 đồng (thời điểm năm 2004) tính trượt giá hiện nay là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Ngoài ra không yêu cầu gì khác. Chồng bà là ông Phạm Văn Ngụ

(chết năm 2006), bà và ông Ngụ có 03 người con gồm: Phạm Thị X, Phạm Thị S, Phạm Văn Trọng hiện các con đang sống chung với bà.

Lời trình bày của chị Phạm Thị S, anh Phạm Văn Trọng ngày 26-7-2019 thống nhất ý kiến bà Võ Thị T và có cùng nguyện vọng với bà T.

Tại đơn phản tố của ông Lê Văn C (bị đơn) ngày 20-8-2019 và lời khai anh Nguyễn Đình Thoại (đại diện ông C) ngày 08/8/2019 và tại phiên toà đối với yêu cầu của nguyên đơn, anh Thoại trình bày:

Thừa nhận lời trình bày của bà T về việc bà T, ông Ngụ chuyển nhượng đất cho ông C và số tiền ông C còn nợ là đúng. Khi chuyển nhượng hai bên có làm giấy tay ngày 10-9-2004 bản chính ông C giữ, nguyên nhân ông C không trả tiền đủ cho bà T là do bà T không giao giấy tờ đất để ông C làm thủ tục chuyển quyền, khi ông C hỏi thì bà T nói thế chấp ở Ngân hàng, trong số đất diện tích 1.323 m^2 mà bà T tranh chấp ông C được ông Phạm Văn Dây (em trai ông C nay đã chết) cho làm lối đi vô nhà mồ giáp đất ông Dũng ngang 4,5m dài 44,5m (diện tích chung 200,25m^2) nên trừ diện tích 1.323 m^2 phần diện tích tranh chấp còn lại chỉ là 1.122,75 m^2. Nguyện vọng ông C yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 1.323 m^2, không đồng ý trả đất theo yêu cầu của bà T, đồng ý trả tiền nợ nhận chuyển nhượng đất là 3.000.000 đồng. Vợ ông Lê Văn C tên là Đinh Thị Thành (đã chết năm 2010), ông C có 03 người con tên Lê Thị Thuỳ M, Lê Thị Bích V, Lê Phương N. Đất ông C nhận chuyển nhượng của vợ chồng bà T hiện ông C xây nhà ở, trồng cây lâu năm, xây nhà mồ cho vợ ông C.

Lời trình bày của chị Lê Thị Thuỳ M, chị Lê Thị Bích V, anh Lê Phương N trong bản tự khai ngày 03-7-2019 thống nhất với lời khai của anh Thoại (người đại diện ông C) và có cùng nguyện vọng với ông C.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 36/2019/DS-ST ngày 21-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Trảng B (nay thị xã Trảng B), tỉnh Tây N tuyên xử:

Căn cứ điểm a.4, a.6 mục, tiểu mục 2.3 mục 2 Nghị số 02/2004 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10-8-2004 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 129 Bộ luật Dân sự năm 2015, điểm đ Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ Ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Võ Thị T, chị Phạm Thị X, chị Phạm Thị S, anh Phạm Văn Trọng đối với ông Lê Văn C, chị Lê Thị Thuỳ M, chị Lê Thị Bích V, anh Lê Phương N.

1.1 Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy viết tay ngày 10-9-2004) giữa bà Võ Thị T, ông Phạm Văn Ngụ với ông Lê Văn C với diện tích (theo đo đạc thực tế) là 1.323m^2, tại thửa 3701 và trong thửa 3702 tờ bản đồ số K12, đất toạ lạc tại ấp Trảng C, xã Đôn T, huyện Trảng B có hiệu lực, (Có sơ đồ kèm theo) đất có tứ cận:

Đông giáp đất bà Lệ 42m; Tây giáp đất ông Dũng 44,5m;

N giáp (đường bờ kênh N 20) 29,1m; Bắc giáp đất ông C 32,4m.

1.2 Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị T, chị Phạm Thị X, chị Phạm Thị S, anh Phạm Văn Trọng đòi ông Lê Văn C phải trả diện tích 323m^2 thửa 3702, tờ bản đồ số K12, toạ lạc tại ấp Trảng C, xã Đôn T, huyện Trảng B.

1.3 Buộc ông Lê Văn C, chị Lê Thị Thuỳ M, chị Lê Thị Bích V, anh Lê Phương N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị T, chị Phạm Thị X, chị Phạm Thị S, anh Phạm Văn Trọng số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí đo đạc, định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30-10-2019, bà Võ Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp Phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Lê Văn C trả lại cho bà số tiền 100.000.000 đồng và phần đất 323m^2.

Ngày 01-11-2019, ông Lê Văn C có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp Phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc ông trả lại số tiền 50.000.000 đồng, đề nghị đo đạc lại phần đất giữa ông với bà T có chồng lấn một phần thửa 166 và một phần thửa 144.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Lê Tấn H, chị Lê Thị Thúy V trình bày: Anh Lê Tấn H, chị Lê Thị Thúy V đồng ý giao cho bà Võ Thị T, chị Phạm Thị X, chị Phạm Thị S, anh Phạm Văn Trọng số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Bà Võ Thị T, chị Phạm Thị X, chị Phạm Thị S, anh Phạm Văn Trọng đồng ý nhận số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và đồng ý chuyển nhượng cho ông C phần đất đã bán cho ông C diện tích đo đạc thực tế 1.397m^2 thửa 3701, tờ bản đồ số K12 (củ) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03738QSDĐ ngày 11-4-2001 do Ủy ban nhân dân huyệnTrảng B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị T đứng tên quyền sử dụng đất, thửa mới 166 và một phần thửa 144, tờ bản đồ số 80 đất tọa lạc tại ấp Trảng C, xã Đôn T, huyện Trảng B (nay thị xã Trảng B), tỉnh Tây N.

Trên đất có một căn nhà cấp 4 do ông C xây năm 2004 diện tích 7m x 16m, tường tô, có la phông, nền gạch men; một nhà mồ diện tích 6,87m x 6,37m x 2 (chu vi) có hàng rào bằng sắt, mái lợp tole diện tích 26,48m^2, hàng rào lưới B40 diện tích 13,4m x 26,5m x 2, cao 1,2m do ông C xây dựng; cây trái trên đất gồm có 02 bụi tầm vong (20 cây), 01 cây xoài 03 tuổi, 04 cây mãng cầu hơn một năm tuổi, 09 cây xanh đường kính 10cm, 02 cây tràm vàng đường kính 10cm, 01 cây lồng mứt đường kính 10cm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N:

+ Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các thẩm phán tham gia phiên tòa và thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự thực hiện đúng nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa T được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm số 36/2019/DS-ST ngày 21-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Trảng B, tỉnh Tây N; Công nhận sự thỏa T của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Thùy M, anh Lê Phương N vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thỏa T với nhau về việc giải quyết vụ án. Cụ thể: Anh Lê Tấn H, chị Lê Thị Thúy V có nghĩa giao cho bà Võ Thị T số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Bà Võ Thị T, chị Phạm Thị X, chị Phạm Thị S, anh Phạm Văn Trọng đồng ý nhận số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và đồng ý chuyển nhượng cho ông Lê Văn C, chị Lê Thị Thúy V, chị Lê Thị Thùy M, anh Lê Phương N diện tích 1.397m^2 một phần thửa 3701, tờ bản đồ số K12 (củ) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03738QSDĐ ngày 11-4-2001 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị T đứng tên quyền sử dụng đất, thửa mới 166 và một phần thửa 144, tờ bản đồ số 80 đất tọa lạc tại ấp Trảng C, xã Đôn T, huyện Trảng B (nay thị xã Trảng B), tỉnh Tây N. Đất có tứ cận:

Đông giáp đất bà T dài 6,10m +36,43m+ 2,21m; Tây giáp đất ông Dũng dài 42,00m + 5,44m;N giáp (đường bờ kênh N 20) 6,56m +14,49m+8,94m; Bắc giáp đất ông Hai dài 24,53m + 4,01m+ 5,62m (có sơ đồ kèm theo).

Trên đất có một căn nhà cấp 4 do ông C xây năm 2004 diện tích 7m x 16m, tường tô, có la phông, nền gạch men; một nhà mồ diện tích 6,87m x 6,37m x 2 (chu vi) có hàng rào bằng sắt, mái lợp tole diện tích 26,48m^2, hàng rào lưới B40 diện tích 13,4m x 26,5m x 2, cao 1,2m do ông C xây dựng; cây trái trên đất gồm có 02 bụi tầm vong (20 cây), 01 cây xoài 03 tuổi, 04 cây mãng cầu hơn một năm tuổi, 09 cây xanh đường kính 10cm, 02 cây tràm vàng đường kính 10cm, 01 cây lồng mứt đường kính 10cm.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích như quyết định của bản án này.

[3] Xét thấy sự thỏa T của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 công nhận sự thỏa T của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa Bản án sơ thẩm.

[4] Đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N. Công nhận sự thỏa T của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa Bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Tiền chi phí tố tụng khác: Chi phí thẩm định, định giá tài sản bà Võ Thị T phải chịu số tiền 1.650.000 đồng (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Ghi nhận đã thanh toán xong.

Chi phí đo đạc số tiền 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng) chị Lê Thị Thúy V tự nguyện chịu. Ghi nhận đã thanh toán xong.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét thấy ông Lê Văn C là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; Ông C được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

[7] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào Khoản 5, Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; thì người kháng cáo phải chịu tiền án phí phúc thẩm nên bà Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Công nhận sự thỏa T giữa bà Võ Thị T, chị Phạm Thị X, chị Phạm Thị S, anh Phạm Văn Trọng với ông Lê Văn C, chị Lê Thị Thúy V, chị Lê Thị Thùy M, anh Lê Phương N.

1. Sửa Bản án sơ thẩm số 36/2019/DS- ST ngày 21-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Trảng B, tỉnh Tây N. Sự thỏa T của các đương sự như sau:

2. Ông Lê Văn C, chị Lê Thị Thúy V, chị Lê Thị Thùy M, anh Lê Phương N có nghĩa vụ giao cho bà Võ Thị T, chị Phạm Thị X, chị Phạm Thị S, anh Phạm Văn Trọng số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Ghi nhận hai bên đã giao nhận tiền xong.

3. Bà Võ Thị T, chị Phạm Thị X, chị Phạm Thị S, anh Phạm Văn Trọng thống nhất chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy viết tay ngày 10/9/2004) giữa bà Võ Thị T, ông Phạm Văn Ngụ với ông Lê Văn C với diện tích (theo đo đạc thực tế) diện tích 1.397m^2 thửa 3701, tờ bản đồ số K12 (củ) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03738QSDĐ ngày 11-4-2001 do Ủy ban nhân dân huyệnTrảng B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị T đứng tên quyền sử dụng đất, thửa mới 166 và một phần thửa 144, tờ bản đồ số 80 đất tọa lạc tại ấp Trảng C, xã Đôn T, huyện Trảng B (nay thị xã Trảng B), tỉnh Tây N. Đất có tứ cận:

Đông giáp đất bà T dài 6,10m +36,43m+ 2,21m; Tây giáp đất ông Dũng dài 42,00m +5,44m; N giáp (đường bờ kênh N 20) 6,56m +14,49m+8,94m; Bắc giáp đất ông Hai dài 24,53m + 4,01m+ 5,62m (có sơ đồ kèm theo).

Trên đất có một căn nhà cấp 4 do ông C xây năm 2004 diện tích 7m x 16m, tường tô, có la phông, nền gạch men; một nhà mồ diện tích 6,87m x 6,37m x 2 (chu vi) có hàng rào bằng sắt, mái lợp tole diện tích 26,48m^2, hàng rào lưới B40 diện tích 13,4m x 26,5m x 2, cao 1,2m do ông C xây dựng; cây trái trên đất gồm có 02 bụi tầm vong (20 cây), 01 cây xoài 03 tuổi, 04 cây mãng cầu hơn một năm

tuổi, 09 cây xanh đường kính 10cm, 02 cây tràm vàng đường kính 10cm, 01 cây lồng mứt đường kính 10cm.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích như quyết định của bản án này.

4. Về án phí:

4.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng B (nay thị xã Trảng B) hoàn trả lại cho bà Võ Thị T số tiền 9.906.000 đồng (chín triệu chín trăm lẻ sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0016924 ngày 12/3/2019 và Biên lai thu tiền số 0017516 ngày 22/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng B (nay thị xã Trảng B), tỉnh Tây N.

Ông Lê Văn C được miễn án phí dân sự.

4.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm dân sự. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0017624 ngày 23/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng B (nay là thị xã Trảng B), tỉnh Tây N, ghi nhận đã nộp xong.

Ông Lê Văn C được miễn án phí dân sự.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKS tỉnh Tây N;
- Chi cục THADS thị xã Trảng B;
- TAND thị xã Trảng B;
- Các đương sự;
- LưuTDS;
-Lưu hồ sơ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

CÁC THẨM PHÁN
Lâm Văn Be Nguyễn Thị Thúy Phượng